

LIÊN KẾT VÙNG GIỮA TÂY NGUYÊN VÀ NAM TRUNG BỘ TRONG SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI

PGS.TS ĐẶNG VĂN BÀO, PGS.TS TRẦN ANH TUẤN

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, liên kết vùng đang ngày càng trở nên bức thiết, đóng vai trò quan trọng trong việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những mục tiêu chính của liên kết vùng là phối hợp hoạt động của các bên nhằm tận dụng thế mạnh, lợi thế so sánh của nhau, đồng thời khắc phục những điểm yếu, những vấn đề môi trường và thiên tai có tính chất xuyên biên giới (tỉnh, quốc gia), sử dụng hiệu quả các nguồn lực có hạn, tiết kiệm thời gian, giảm chi phí để tạo ra những lợi ích lớn hơn và năng lực cạnh tranh cao hơn.

Đặt vấn đề

Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ là lãnh thổ có nhiều tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện cho việc mở rộng giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế với nhiều vùng trong nước và quốc tế. Đây là khu vực có vị trí kinh tế chiến lược, nhiều tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp với các sản phẩm đã có thương hiệu quốc tế, phát triển du lịch, thuận lợi để xây dựng cảng biển, sân bay quốc tế gần đô thị lớn... tạo cơ hội cho khu vực này phát huy được vai trò và vị trí của mình trong hội nhập kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển mạnh khoa học và công nghệ (KH&CN). Tuy nhiên, cho tới nay đây cũng vẫn là các địa phương chưa phát triển, đời sống nhân dân còn khó khăn, thiên tai thường xuyên đe dọa. Một trong những nguyên nhân tạo nên tính cạnh tranh chưa cao của khu vực này chính là liên kết vùng, cả

liên kết nội vùng và ngoại vùng.

Cho tới nay, lý luận cũng như thực tế liên kết vùng mới chỉ chú ý nhiều tới liên kết kinh tế. Khi môi trường ở nhiều nơi, nhiều vùng đang có nguy cơ suy thoái, thiên tai đang có xu hướng gia tăng, đe dọa tới nhiều khu vực lãnh thổ, có tính xuyên biên giới thì việc liên kết vùng trong sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai cần phải đặc biệt coi trọng. Các hiện tượng trên có tính gia tăng, trong đó ngoài nguyên nhân khách quan, sự tác động của con người vào tự nhiên hoặc là quá mức, hoặc là thiếu cơ sở khoa học là một nguyên nhân đáng kể. Tây Nguyên, cụ thể là phần giáp ranh Tây Nguyên với Nam Trung Bộ - gờ núi Trường Sơn Nam được coi là nóc nhà của Nam Trung Bộ và các vùng đất bằng phẳng ở trung tâm Tây Nguyên như Kon Tum, Gia Lai, Buôn Ma Thuột. Các hoạt

động khai thác tài nguyên ở vùng lãnh thổ này như tài nguyên đất, rừng, khoáng sản và đặc biệt là tài nguyên nước với hàng loạt công trình thủy điện đã được xây dựng hoặc quy hoạch chắc chắn sẽ ảnh hưởng lớn tới vùng hạ lưu. Trước những yêu cầu cấp thiết như trên, nhằm hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ, cần phải tăng cường hợp tác, liên kết vùng giữa các địa phương, trong đó liên kết trong phát triển kinh tế, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai là khâu xuyên suốt, cần phải nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học một cách hệ thống và logic.

Một số vấn đề chung về liên kết vùng

Theo Theodore Hershberg “liên kết vùng là tổng hòa những mối liên kết ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường



và tài nguyên trong phạm vi một vùng hoặc nhóm vùng”. Những liên kết này được thể hiện thông qua các dòng sản phẩm, tài chính và thông tin luân chuyển trong nội bộ một vùng và các vùng lân cận. Liên kết vùng về mặt xã hội và văn hóa thể hiện tương đối rõ nét trong nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau. Văn hóa và các hiện tượng xã hội là kết quả của quá trình tương tác, giao thoa văn hóa giữa các vùng, khu vực với nhau. Bên cạnh đó, liên kết vùng về xã hội còn được thể hiện qua quá trình di cư của các cộng đồng địa phương theo các hướng: nông thôn - đô thị, nông thôn - nông thôn và đô thị - đô thị. Ngoài ra, tính liên kết vùng còn được thể hiện qua các kiểu di cư khác như di cư theo mùa vụ, di cư con lắt (di cư trong ngày)... Nhìn chung, tính liên kết vùng trong lĩnh vực xã hội và văn hóa thể hiện khá rõ nét. Liên kết vùng trong sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường thể hiện ở các dòng nguyên liệu và mối liên hệ giữa “khu vực sản xuất” và “khu vực tiêu thụ, chế biến”. Những dòng nguyên liệu này thông qua các hoạt động và quy luật kinh tế chi phối, điều khiển tạo nên mối liên kết vùng chặt chẽ giữa “vùng nguyên liệu” và “vùng tiêu thụ”. Về mặt không gian, liên kết vùng cũng được nghiên cứu khá chi tiết với thuật ngữ “Regional linkages”. Trong đó, mối liên hệ giữa các vùng về mặt không gian thể hiện ở vị trí, vai trò và chức năng của từng lãnh thổ khi xét đến mối

quan hệ tổng thể ở một khu vực lớn hơn.

Quản trị vùng (Territorial governance): tính liên kết vùng trong quản lý tổng hợp lãnh thổ

Trong vòng 2 thập kỷ trở lại đây, “Quản trị” trở thành khái niệm trung tâm và là đối tượng áp dụng trong nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau. Quản trị vùng bao gồm 3 lĩnh vực chính: 1) Quản trị tài nguyên thiên nhiên; 2) Quản trị môi trường và 3) Quản trị lãnh thổ.

Quản trị tài nguyên thiên nhiên (natural resources governance): đây là một khái niệm và quá trình mới xuất hiện trong vòng 2 thập kỷ trở lại đây. Quản trị tài nguyên thiên nhiên được hiểu là: “một cơ chế mà mọi cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình ra quyết định sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh tài nguyên ngày càng suy giảm về khối lượng và chất lượng, nhu cầu sử dụng tài nguyên (trực tiếp và gián tiếp) ngày càng gia tăng cùng với sự tăng trưởng kinh tế ở các vùng với quy mô khác nhau” (Ryan S. và nnk, 2010). Để đạt được hiệu quả trong quá trình quản trị tài nguyên thiên nhiên, các nguyên tắc được đặt ra bao gồm: 1) Pháp luật; 2) Trách nhiệm; 3) Minh bạch; 4) Toàn diện; 5) Công bằng; 6) Tổng hợp; 7) Năng lực; 8) Khả năng thích ứng (Woodhill, 2008). Quản trị tài nguyên thiên nhiên có thể ứng dụng ở nhiều quy mô khác nhau. Graham và nnk (2003) cho rằng: quản trị tài nguyên thiên

nhiên có thể được thực hiện ở 4 cấp độ quy mô khác nhau: 1) Toàn cầu; 2) Quốc gia; 3) Vùng; 4) Địa phương (cộng đồng). Như vậy, quản trị tài nguyên thiên nhiên là một quá trình tổng hợp được thực hiện qua nhiều quy mô khác nhau với mục đích quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên hướng tới sự phát triển bền vững vùng, lãnh thổ.

Quản trị môi trường (environmental governance): đây là một thuật ngữ mới xuất hiện. Khái niệm quản trị môi trường có thể được hiểu theo một số cách thức như sau: 1) Là tập hợp của các quy định, hoạt động và thể chế liên quan tới quản lý môi trường với nhiều hình thức khác nhau (bảo tồn, bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên) (Fontain G. và nnk, 2007); 2) Là tất cả các quá trình, thể chế ở cả 2 hình thức: chính thức và không chính thức quy định các tiêu chuẩn, giá trị, hành vi và cơ chế tổ chức của các cá nhân, tổ chức, phong trào xã hội nhằm kết nối họ, hạn chế những khác biệt về lợi ích và mối quan tâm trong quá trình sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường (Ojeda L., 2005); 3) Là các thể chế, chính sách, cơ chế chính thức hoặc không chính thức của quá trình ra quyết định cho phép các bên tham gia có tác động và hợp tác với những mối quan tâm và lợi ích của họ tới môi trường ở các quy mô khác nhau (Tacconi L., 2011). Các nguyên tắc quản trị môi trường bao gồm: 1) Tích hợp vấn đề môi trường vào tất cả các quá trình ra quyết định ở các quy mô khác nhau; 2) Khái quát hóa tất cả các hoạt động trong các cộng đồng, các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị là một phần của môi trường; 3) Chỉ rõ mối liên hệ giữa con người và các hệ sinh thái - nơi họ đang sinh sống

và làm việc; 4) Khuyến khích sự chuyển đổi từ các hệ thống tuyến tính (ví dụ như xử lý chất thải không có hoạt động tái chế) sang các hệ thống có tính mềm dẻo hơn. Quản trị môi trường thường quan tâm tới các vấn đề ô nhiễm liên vùng, liên quốc gia. Trong đó, mối liên kết liên vùng được quan tâm ở nhiều khía cạnh không gian địa lý, ví dụ như mối liên hệ trong một lưu vực sông: liên hệ thượng nguồn - hạ lưu.

Quản trị lãnh thổ (territorial governance): là quá trình nhằm: 1) Xây dựng một tổ chức đồng thuận để xác định những mục tiêu chung trong lĩnh vực phát triển kinh tế vùng; 2) Thống nhất tầm nhìn chung về tương lai của lãnh thổ; 3) Thống nhất sự đóng góp của các đối tượng tham gia để đạt được mục tiêu phát triển chung. Chính vì vậy, quản trị vùng là một quá trình phức tạp đòi hỏi sự tham gia của nhiều đối tượng ở nhiều lĩnh vực khác nhau và nhằm một mục tiêu lớn nhất đó là phát triển bền vững vùng/lãnh thổ. Có thể nói rằng, quản trị không chỉ đề cập tới những thay đổi trong quá trình quản lý ở các quy mô khác nhau, nó còn đề cập tới sự hình thành các hợp phần mới của hệ thống như mạng lưới kết nối, các liên minh... thông qua chúng, kết nối giữa chính quyền với dân cư địa phương và các hoạt động phát triển. Vì vậy, vấn đề đặt ra của quản trị là làm thế nào tạo nên một hình thái để giảm thiểu sự phân tán của các hợp phần trong một lãnh thổ, kết nối những hợp phần mới xuất hiện vào một nhóm lợi ích của hệ thống vốn có.

Tóm lại, quản trị vùng là một lĩnh vực khoa học tổng hợp đòi hỏi sự tham gia của nhiều lĩnh vực khoa học, nhiều đối tượng nhằm tìm kiếm và đạt đến trình độ phát triển cao nhất của một vùng thông

qua hệ thống nguyên tắc quản trị. Những nguyên tắc này được thiết lập ở nhiều quy mô khác nhau (quy mô không gian địa lý, quy mô quản lý nhà nước) nhằm quản trị vùng tối ưu trên cả 3 phương diện quản trị: tài nguyên thiên nhiên, môi trường và lãnh thổ. Sản phẩm cuối cùng của quá trình này là vùng đạt được cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Thực trạng liên kết vùng giữa Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ

Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bao gồm 8 tỉnh duyên hải từ thành phố Đà Nẵng đến Bình Thuận và 5 tỉnh Tây Nguyên. Trong thời gian qua, kinh tế của các địa phương Nam Trung Bộ - Tây Nguyên đã có bước phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân cao. Cơ sở hạ tầng kinh tế đã từng bước hoàn thiện, đặc biệt với sự hình thành và phát triển của nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng nước sâu tạo điều kiện tăng trưởng cho cả khu vực. Tuy nhiên, trong mỗi vùng, do điều kiện tương tự nhau nên quy hoạch phát triển kinh tế của các địa phương thường trùng lặp trong đầu tư phát triển, do vậy bộc lộ nhiều bất cập. Hiện nay, các nhược điểm này càng lộ rõ. Môi trường đầu tư và cạnh tranh của các doanh nghiệp thiếu lành mạnh, gây lãng phí lớn. Do vậy, gần đây nhiều chương trình liên kết đã được thực hiện, phát triển tốt các chương trình hợp tác liên kết kinh tế không chỉ sẽ đem lại cho Nam Trung Bộ - Tây Nguyên một năng lực đầu tư mới để tạo nên những thương hiệu sản phẩm hàng hoá có sức cạnh tranh cao trên thị trường, mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững,

là “đòn bẩy” quan trọng để kinh tế miền Trung - Tây Nguyên tăng tốc trong thời gian tới.

Nguyên nhân dẫn đến kinh tế miền Trung và Tây Nguyên phát triển còn thấp và chưa tương xứng với tiềm năng hiện có được phân tích là do *“chính sách chưa đủ mạnh để tạo động lực phát triển; chưa tạo được sự liên kết vùng, do vậy khai thác chưa tốt lợi thế”*. Tình trạng các tỉnh, thành phố “mạnh ai nấy làm”, “dàn hàng ngang” để tiến diễn ra rất phổ biến. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách khách quan, vấn đề liên kết kinh tế ở Việt Nam nói chung và miền Trung - Tây Nguyên nói riêng dường như còn nhiều bất cập cả về lý luận lẫn thực tiễn. Có thể kể ra một số điểm sau: *về mặt lý luận*, mặc dù đã khẳng định việc liên kết kinh tế là tất yếu, nhưng liên kết kinh tế như thế nào cũng chưa được tổng kết và hệ thống hóa thành các vấn đề lý luận, hình thành các quan điểm, nguyên tắc rõ ràng tạo nền tảng cho việc xây dựng, tổ chức và đánh giá quá trình liên kết; *về mặt thực tiễn*, việc triển khai đường lối phát triển kinh tế có thể trong chừng mực nào đó còn thiếu nhất quán.

Vấn đề liên kết trong phát triển kinh tế và phát triển bền vững Tây Nguyên, Nam Trung Bộ đã nhận được sự quan tâm của Trung ương và các địa phương, tuy nhiên việc triển khai còn khá chậm chạp. Những vấn đề cơ bản về phát triển của từng vùng và liên kết vùng đã được thảo luận khá sôi nổi trong các hội thảo khoa học. Đã có 2 hội thảo khoa học về vấn đề này: Hội thảo khoa học “Liên kết phát triển 7 tỉnh duyên hải miền Trung” được tổ chức ngày 15.7.2011 tại Đà Nẵng và trước đó là Hội thảo “Vận hội mới cho sự thịnh vượng” của Vùng kinh tế trọng điểm miền

Trung được tổ chức năm 2010 tại Quảng Ngãi. Diễn đàn hợp tác Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với chủ đề “Vận hội mới cho sự thịnh vượng” cũng đã được Bộ Công thương phối hợp với UBND tỉnh Quảng Ngãi tổ chức ngày 20.3.2010 ở Quảng Ngãi. Tại diễn đàn này, hầu hết các đại biểu đều thống nhất đánh giá miền Trung có một lợi thế về hệ thống cơ sở hạ tầng, đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đặc biệt là hệ thống cảng biển như Chân Mây, Đà Nẵng, Dung Quất để phát triển kinh tế. Tuy nhiên mặc dù có lợi thế, nhưng nếu không liên kết để phát huy hết thế mạnh của mình, có hành động phối hợp định hướng thì cũng chỉ là những hạt cát rời rạc, không có sự kết dính. Liên kết nhằm đem lại lợi ích lớn hơn cho các bên tham gia. Các đại biểu cũng cho rằng liên kết kinh tế vùng không chỉ là sự liên kết giữa các tỉnh trong vùng mà cần phải có sự liên kết ngoại vùng, nghĩa là liên kết giữa các vùng với nhau, giữa các tỉnh vùng này với các tỉnh vùng khác.

Không chỉ dừng lại ở việc liên kết nội vùng, vấn đề liên kết liên vùng miền Trung - Tây Nguyên trong thời gian gần đây cũng được chú ý đặc biệt. Hội thảo “Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực miền Trung - Tây Nguyên” đã được Hội Doanh nhân trẻ Đà Nẵng và Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tổ chức ngày 2.4.2011. Trong Hội thảo, các nhà khoa học, nhà quản lý đã đánh giá cao vai trò của hợp tác, liên kết kinh tế. Hội thảo “KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên” được tổ chức vào ngày 20.7.2011 tại Quảng Nam đã tập trung vào việc thảo luận các nội dung cụ thể như: 1) Các nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của

các dân tộc vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; giải pháp tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải pháp phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo, đào tạo nghề; giải pháp phát huy các thế mạnh đặc thù của khu vực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; 2) Những vấn đề ứng dụng KH&CN trong sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn và miền núi (tập trung thảo luận kết quả nghiên cứu và giới thiệu các công nghệ về chế biến, bảo quản sau thu hoạch; công nghệ và quy trình sản xuất tiết kiệm nước). Đáng chú ý hơn cả là Hội thảo khoa học với chủ đề “Liên kết phát triển du lịch Tây Nguyên và Nam Trung Bộ” được tổ chức ngày 24.3.2010 tại thành phố Pleiku. Các ý kiến đều cho rằng, du lịch Tây Nguyên còn chưa xác định rõ những sản phẩm du lịch đặc thù có sức cạnh tranh trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch đặc trưng. Còn có sự trùng lặp trong phát triển sản phẩm du lịch, đặc biệt là du lịch dựa vào việc khai thác các giá trị sinh thái tự nhiên và văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; tác động của hoạt động phát triển du lịch đến tài nguyên và môi trường tự nhiên cũng như môi trường văn hóa chưa được kiểm soát tốt.

Định hướng nghiên cứu nhằm tăng cường liên kết vùng giữa Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ

Trong các đề tài thuộc Chương trình Tây Nguyên 1, Tây Nguyên 2 và các chương trình trọng điểm quốc gia khác, nhiều vấn đề về Tây Nguyên đã được đặt ra và giải quyết. Tuy nhiên, vấn đề cơ sở khoa học cho việc liên kết phát triển giữa Tây Nguyên với các

vùng lãnh thổ kế cận chưa được chú ý. Sự tồn tại này đã được đặt ra trong một số hội thảo khi xây dựng Chương trình Tây Nguyên 3. Để đảm bảo sự thành công, tính hiệu quả của việc liên kết vùng, đặc biệt là liên kết vùng trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai cần phải có những giải pháp có tính khả thi. Việc xây dựng cơ sở khoa học cho liên kết vùng trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai chính là đáp ứng mục tiêu này.

Các công trình nghiên cứu về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai ở Tây Nguyên - Nam Trung Bộ đã có những thành tựu đáng kể, nhưng vẫn còn một số vấn đề tồn tại như sau:

1. Đối với các công trình điều tra cơ bản như điều tra địa chất - khoáng sản, địa chất - thủy văn - công trình, đất, rừng..., mặc dù đến nay đã triển khai trên tất cả các tỉnh ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, song do mục tiêu của nhiệm vụ điều tra nên công tác phối hợp giữa các khu vực nghiên cứu khác nhau chưa được đồng bộ; tính đặc thù của các dạng tài nguyên và sự phân hóa không gian của chúng chưa được làm rõ. Đó chính là khó khăn dẫn đến cho tới nay, việc tham khảo, sử dụng các tài liệu này đối với các địa phương, đối với các cơ quan phân tích và đề xuất cơ chế, chính sách gặp khó khăn khi khai thác sử dụng. Nhằm khai thác thế mạnh của các tài liệu điều tra chi tiết này, cần phải có khâu xử lý từ đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Hiện đã có một số đề tài cấp nhà nước, đặc biệt là các đề tài thuộc Chương trình bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai KC.08, song các đề tài này hoặc

chỉ tập trung nghiên cứu đánh giá một dạng tài nguyên (tài nguyên đất, nước ngầm) hoặc là nghiên cứu một số khu vực cụ thể, ít có đề tài nghiên cứu tổng thể về lãnh thổ để có được những đánh giá đầy đủ, đồng bộ về tài nguyên và môi trường trong mỗi không gian lãnh thổ nhất định.

3. Đối với vấn đề nghiên cứu quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, chưa có đề tài nghiên cứu tổng thể về Tây Nguyên - duyên hải Nam Trung Bộ. Về nghiên cứu phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên nước và lưu vực sông mới chỉ có các đề tài cho lưu vực sông Đồng Nai, sông Ba, sông Côn. Các lưu vực sông nhỏ hơn, song có ý nghĩa rất quan trọng đối với liên kết vùng như lưu vực sông Trà Khúc, sông Cái Nha Trang, sông Lũy... có lưu vực bắt nguồn từ Tây Nguyên, còn chưa được nghiên cứu. Về quản lý và khai thác tài nguyên rừng cũng chưa có đề tài nào. Các vấn đề liên quan đến quản lý các loại rừng, quản lý thâm phủ bề mặt lưu vực và quản lý rừng trong quản lý lưu vực sông là những vấn đề vừa có tính chuyên sâu vừa có tính tổng hợp cao, do vậy cần phải có những nghiên cứu chi tiết hơn. Vấn đề khai thác bauxit ở Tây Nguyên là điểm nóng, có khá nhiều hội thảo, tham luận, các ý kiến phản biện, song chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào giải quyết một cách cơ bản về tài nguyên, môi trường ở đây.

4. Đối với vấn đề phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, các đề tài chủ yếu tập trung vào lũ và vùng ngập lũ sông lớn, trong khi đó các vấn đề lũ các sông, suối nhỏ, lũ ống, lũ quét... đặc biệt ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ.

5. Một trong những vấn đề đặt



ra là sự phối hợp - kết nối giữa các vấn đề về quản lý sử dụng tài nguyên với các vấn đề phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai cũng chưa được đề cập một cách đầy đủ.

6. Chưa có đề tài nghiên cứu một cách đầy đủ và cơ bản cho việc đề xuất các giải pháp có tính khả thi cho việc liên kết phát triển kinh tế, liên kết trong sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai giữa Tây Nguyên và Nam Trung Bộ; chưa có các giải pháp có tính đồng bộ trong phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, đặc biệt là quản lý lũ và thiên tai; giải pháp quản lý và bảo vệ rừng đầu nguồn với mục tiêu điều tiết giảm lũ và tăng dòng chảy kiệt cho lưu vực sông.

Những nhận xét trên cho thấy, việc xây dựng một đề tài nghiên cứu có tính liên vùng, liên ngành là hết sức cần thiết và cấp bách, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, góp phần phát triển bền vững Tây Nguyên và lãnh thổ kế cận là Nam Trung Bộ. Nhằm khắc phục những tồn tại trên, góp phần tăng cường sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai cho hai vùng lãnh thổ đặc biệt quan trọng này, đề tài TN3/T19

hướng tới 3 mục tiêu: 1) Làm rõ được lợi thế và thách thức đối với liên kết vùng của Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ; đánh giá được tác động tới môi trường do hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Tây Nguyên đối với duyên hải Nam Trung Bộ và ngược lại; 2) Xác lập được không gian liên kết vùng của Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ trong sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai; 3) Đề xuất được hệ thống giải pháp tăng cường liên kết vùng giữa Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ về khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai. Vấn đề mấu chốt trong phương pháp luận của đề tài là phải phát hiện ra tính độc đáo, nét đặc thù, đặc điểm phân dị và tính thống nhất liên kết trong cấu trúc lãnh thổ cả về nhóm nhân tố sinh thái vật lý và nhóm nhân tố hoá học để hình thành nên đặc thù về năng lượng địa hình của lãnh thổ nghiên cứu - nguồn năng lượng quyết định cho xu hướng, cường độ và nhịp điệu của chu trình kinh tế - tài nguyên trên từng vùng và liên vùng.

Thay lời kết

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy một số vấn đề cần quan

tâm đối với liên kết trong sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai giữa Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ như sau:

- Đến nay đã có nhiều dự án, nhiều bản quy hoạch sử dụng tài nguyên nước, song hiện trạng sự phối hợp giữa các địa phương, giữa các ngành trong việc quản lý dạng tài nguyên này chưa thật hiệu quả. Tình trạng thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước vào mùa khô và hiện tượng lũ lụt gây hậu quả nghiêm trọng ở hạ lưu vào mùa mưa vẫn thường xuyên xảy ra. Hệ thống hồ chứa, đặc biệt là hồ thủy điện đã ảnh hưởng đáng kể tới tài nguyên và môi trường. Một trong những định hướng cho giải pháp khắc phục tình trạng này là xác lập các Ủy ban quản lý lưu vực một số sông lớn có lưu vực liên quan cả các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

- Tài nguyên rừng và việc sử dụng đất ở khu vực giáp ranh giữa một số tỉnh Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ được quản lý chưa thật chặt chẽ. Nhiều diện tích rừng ở khu vực có địa hình thoải với tầng thổ nhưỡng dày tại đầu nguồn các sông suối đổ về Nam Trung Bộ đã và đang bị chặt phá để canh tác. Nhằm tăng cường bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, cần nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào các dân tộc ở đây.

- Việc khai thác tài nguyên khoáng sản có sự quản lý chưa tốt ở phần đầu nguồn các lưu vực đang dẫn tới nguy cơ suy thoái tài nguyên đất, nước, ô nhiễm môi trường và gia tăng tai biến thiên nhiên cho vùng hạ lưu các sông suối ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

- Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ là các vùng có nhiều tài nguyên và tiềm năng cho phát triển du lịch, đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh. Đã có một số hội thảo về liên kết phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch nói riêng giữa Tây Nguyên với Nam Trung Bộ, song chưa có các giải pháp thực sự hiệu quả. Một trong những lợi thế cho liên kết vùng theo hướng phát triển du lịch là sự phân hóa và tính khác biệt về tài nguyên, sản phẩm du lịch giữa các vùng. Định hướng cho sự liên kết này chính là việc hình thành và phát triển các khu du lịch với lợi thế về tự nhiên của cao nguyên, đặc biệt là sự phân hóa khí hậu và đặc điểm sinh thái theo đai cao để bổ sung cho vùng du lịch với đặc trưng khô nóng của Nam Trung Bộ.

- Hệ thống giao thông nối Tây Nguyên với Nam Trung Bộ đã được tăng cường cả về số tuyến đường và chất lượng đường, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho liên kết vùng. Hiện tại hầu hết các tuyến đường còn chưa đồng bộ, nhiều đoạn hẹp, mặt đường xấu. Tai biến trượt lở đất đá hiện đang xảy ra ở nhiều tuyến đường, trong đó nhiều khối trượt có quy mô lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới giao thông. Cần có sự đánh giá đầy đủ, đặc biệt là khi quy hoạch mở rộng tuyến đường.

- Tất cả các tỉnh đều có sự quan tâm đặc biệt tới vấn đề liên kết vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ trong phát triển kinh tế gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai, tuy nhiên chưa có nhiều giải pháp để thực hiện chủ trương này.

Hầu hết các bản quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường của mỗi tỉnh đều không có sự tham vấn của tỉnh liên kề.

Liên kết ngoại vùng là cần thiết và cấp bách, là điều mong muốn và chờ đợi của nhiều địa phương, nhưng làm được hay không còn trông chờ vào tầm văn hoá và khả năng tổ chức của đội ngũ cán bộ quản lý cấp vĩ mô và địa phương. Giải pháp vượt qua là tháo gỡ cơ chế tự phát, đi vào tổ chức lãnh thổ sản xuất, có phân công, có hợp tác, có quy hoạch, cải tiến cơ chế quản lý ngành dọc quá sâu vào vùng, cần quản lý liên hợp theo lưu vực sông với chế tài và luật pháp chặt chẽ ■

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Bào, Nguyễn Hiệu, 2006. Một số dạng tai biến thiên nhiên ở Việt Nam và cảnh báo chúng trên cơ sở địa mạo. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, TXXII, số 4PT - 2006, tr.12-23.
2. Đoàn Văn Cánh, 2005. Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước vùng Tây Nguyên. Đề tài KC.08.05.
3. Nguyễn Văn Chiêu, Hoàng Đức Triêm, Phạm Quang Anh và nnk, 1985. Phân vùng địa lý tự nhiên Tây Nguyên. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 87 trang.
4. Nguyễn Văn Cư, 2005. Báo cáo tổng hợp đề tài mã số KC.08.25 "Nghiên cứu giải pháp tổng thể sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường lưu vực sông Ba và sông Côn".
5. Nguyễn Lập Dân, 2005. Nghiên cứu cơ sở khoa học cho các giải pháp tổng thể dự báo phòng tránh lũ lụt miền Trung. Đề tài KC.08.12 thuộc Chương trình môi trường và phòng tránh thiên tai.